

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGÂN SƠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày: 09-05-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Huyền

Ông Hoàng Ngọc Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 05 năm 2024, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 04 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn T (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 02 tháng 12 năm 1988 tại huyện Đ, tỉnh T. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm A, xã V, huyện Đ, tỉnh T. Nơi đăng ký tạm trú: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn T1 sinh năm 1965 và bà Hà Thị N, sinh năm 1968; Bị cáo có vợ là Mông Thị H, sinh năm 1989 và 01 con, sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/01/2024, hiện đang tại ngoại tại Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Phùng Quang S, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ A, thị trấn B, huyện T, tỉnh C.

2. Chị Lý Thị L, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

3. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn C, huyện X, tỉnh Bắc Kạn.

4. Anh Nông Văn C, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

5. Chị Lý Thị Minh T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

6. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn A, xã B, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

7. Anh Doanh Đức H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn

8. Chị Phùng Thị C, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn

9. Anh Nông Văn C, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

10. Anh Đồng Văn A, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

11. Anh Nông Đình Khiêm, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T, sinh năm 1988, đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm A, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, đăng ký tạm trú tại Khu A, xã B (nay là Tiểu khu A, thị trấn B), huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn là chủ Hộ kinh doanh Trung tâm thiết bị máy văn phòng X, được Phòng tài chính - Kế hoạch Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 13C8000916, đăng ký lần đầu ngày 06/3/2014, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 12/3/2014, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 21/10/2015. Địa điểm kinh doanh: Khu A, xã B (nay là Tiểu khu A, thị trấn B), huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Ngành nghề kinh doanh: Bán lẻ văn phòng phẩm; Đồ mực, sửa chữa thiết bị máy văn phòng; Bán buôn, bán lẻ thiết bị máy văn phòng và dịch vụ photocopy. Vốn kinh doanh: 200.000.000 đồng. Họ và tên đại diện hộ kinh doanh là Trần Văn T, đăng ký mã số thuế và kê khai hồ sơ nộp thuế tại Chi cục Thuế huyện Ngân Sơn (nay là Chi cục Thuế khu vực Ba Bể - Ngân Sơn - Pác Nặm).

Từ khi thành lập đến nay, Trần Văn T là người trực tiếp thực hiện điều hành mọi hoạt động kinh doanh, quản lý con dấu, hóa đơn của Hộ kinh doanh. Từ năm 2019 đến năm 2022, Trung tâm thiết bị máy văn phòng X đã đăng ký mua, sử dụng 35 quyển hóa đơn bán hàng tại Chi cục thuế khu vực Ba Bể - Ngân Sơn - Pác Nặm. Quá trình hoạt động kinh doanh từ năm 2019 đến năm 2021, Trần Văn T đã bán trái phép 13 sổ hóa đơn bán hàng ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu với giá bán trung bình bằng 10% tổng số tiền ghi trên mỗi hóa đơn (đối với 12 hóa đơn) và giá bán bằng 05% tổng số tiền ghi trên hóa đơn (đối với 01 hóa đơn). Cụ thể như sau:

1. Bán cho Phùng Quang Sỡ, sinh năm 1985, trú tại Tổ 2, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng 01 sổ hóa đơn bán hàng:

Tháng 11/2020, Phùng Quang S do quen biết ông Trung Văn B, sinh năm 1984 là Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q, huyện T, tỉnh C biết được UBND xã Q đang có nhu cầu mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác nên đã nhận cung cấp hàng hóa cho đơn vị này. Sỡ mua các hàng hóa gồm: Bàn ăn inox, bàn làm việc, ghế ngồi Hòa Phát, ghế ngồi inox chân vòng tại khu vực thành phố Hà Nội (hiện không nhớ cửa hàng nào, địa chỉ cụ thể) nhưng không có hóa đơn. Để thực hiện thủ tục thanh quyết toán, Sỡ liên hệ với Trần Văn T và thỏa thuận mua một sổ hóa đơn của Tuấn với giá bằng 05% tổng số tiền ghi trên hóa đơn và được T đồng ý. Sau đó Tuấn bán 01 hóa đơn số 0093991, ghi ngày 20/11/2020, không ghi tên người mua hàng, ghi tên đơn vị UBND xã Q, nội dung hàng hóa: Bàn ăn Inox, bàn làm việc, ghế ngồi Hòa Phát, ghế ngồi Inox chân vòng, số tiền ghi trên hóa đơn 53.700.000 đồng. Ngày 20/11/2020, Sỡ vận chuyển các hàng hóa trên đến Trụ sở UBND xã Q, bà Bê Thị Y, sinh năm 1990 là công chức văn phòng thống kê của UBND xã Q được ông Trung Văn B giao nhiệm vụ nhận, kiểm đếm hàng hóa, sau khi giao nhận đủ số hàng hóa và được Sỡ đưa cho hóa đơn số 0093991 (liên 2), bà Y đã ký nhận vào phần người mua hàng trong hóa đơn và giao cho bộ phận kế toán của UBND xã Q. Sau khi hoàn tất thủ tục thanh quyết toán, số tiền 53.700.000 đồng được chuyển vào tài khoản ngân hàng số 8604205020572 của Trần Văn T mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh huyện Ngân Sơn, sau đó T giữ lại số tiền 2.685.000 đồng (bằng 05% số tiền ghi trên hóa đơn) và chuyển khoản trả lại cho Sỡ số tiền 51.015.000 đồng.

2. Bán cho Lý Thị L, sinh năm 1995, trú tại thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn 01 sổ hóa đơn bán hàng:

Tháng 5/2020, Lý Thị L là nhân viên Bưu điện huyện Ngân Sơn đề xuất mua bao tải, băng dính phục vụ hoạt động của đơn vị Bưu điện huyện Ngân Sơn và được lãnh đạo đơn vị phê duyệt, Lý Thị L đã mua hàng hóa tại khu vực thành phố Bắc Kạn trả bằng tiền mặt nhưng không có hóa đơn. Khi thực hiện thủ tục thanh quyết toán, L liên hệ với Trần Văn T và thỏa thuận mua một sổ hóa đơn của T với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, T đồng ý. Sau đó T bán 01 hóa đơn số 0009555, ghi ngày 18/05/2020, người mua hàng Lý Thị L, tên đơn vị Bưu điện huyện Ngân Sơn, nội dung hàng hóa: Bao tải, băng dính, số tiền ghi trên hóa đơn 14.600.000 đồng. Sau khi nhận được hóa đơn, L trả cho T số tiền 1.460.000 đồng bằng 10% số

tiền ghi trên hóa đơn.

3. Bán cho Nguyễn Văn N, sinh năm 1985, trú tại Tiểu khu A, thị trấn C, huyện X, tỉnh Bắc Kạn - Giám đốc Bưu điện huyện Ngân Sơn 01 số hóa đơn bán hàng:

Tháng 8/2020, thực hiện công tác của đơn vị, Nguyễn Văn N đã in tờ rơi quảng cáo tại cơ quan Bưu điện huyện Ngân Sơn và đặt làm băng rôn quảng cáo với anh Nông Văn D, sinh năm 1982 - Chủ cơ sở in và làm biển quảng cáo QT có địa chỉ tại Tiểu khu A, thị trấn Vân Tùng, huyện Ngân Sơn nhưng không có hóa đơn. Khi thực hiện thủ tục thanh quyết toán, N liên hệ với Trần Văn T và thỏa thuận mua hóa đơn của T với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn và được T đồng ý. T bán 01 hóa đơn số 00093463, không ghi ngày tháng năm, người mua hàng Nguyễn Văn N, tên đơn vị Bưu điện huyện Ngân Sơn, nội dung hàng hóa: In tờ rơi quảng cáo, băng rôn quảng cáo, số tiền ghi trên hóa đơn 44.000.000 đồng. Sau khi mua được hóa đơn, N chuyển cho kế toán đơn vị làm thủ tục thanh quyết toán và chuyển số tiền 44.000.000 đồng vào tài khoản của T. Sau khi nhận được tiền T giữ lại số tiền 4.000.000 đồng tiền bán hóa đơn, số tiền còn lại là 40.000.000 đồng T chuyển lại vào tài khoản của Lương Thị H - Kế toán Bưu điện huyện Ngân Sơn.

4. Bán cho Nông Văn C, sinh năm 1982, trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn 01 số hóa đơn bán hàng:

Tháng 6/2019, Nông Văn C là Trưởng Công an xã B, để mua sắm hàng hóa phục vụ Kế hoạch xây dựng, nhân rộng mô hình tự quản “Hộ an toàn - thôn, bản, tổ dân phố bình yên” của UBND xã B, C đã trực tiếp mua sắm hàng hóa gồm đèn đội đầu, sổ ghi chép, bút bi, trong đó đèn đội đầu C mua tại các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn huyện Ngân Sơn (do thời gian đã lâu nên không nhớ cửa hàng cụ thể) còn sổ ghi chép và bút bi mua tại cửa hàng của Trần Văn T. Khi viết hóa đơn số 0040933 ngày 20/6/2019, ngoài mục sổ giáo án, bút bi Thiên Long mua thực tế, C đã thỏa thuận với T ghi thêm mục đèn đội đầu với số tiền 7.200.000 đồng và được T đồng ý. Tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 7.470.000 đồng. Sau khi mua được hóa đơn, C trả cho T số tiền 720.000 đồng tiền mặt (bằng 10% số tiền ghi thêm trên hóa đơn).

5. Bán cho Lý Thị Minh T, sinh năm 1982, trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn 01 số hóa đơn bán hàng:

Tháng 06/2019, Lý Thị Minh T là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã B để mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ tổ chức Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã B nhiệm kỳ 2019 - 2024, Thoa đã mua các hàng hóa, dịch vụ: Bút bi Thiên Long, cặp cúc bấm và photo văn kiện với cửa hàng của Trần Văn T, tuy nhiên T còn đặt làm băng rôn và mua phù hiệu tại các cửa hàng, cơ sở khác nhưng do đã lâu nên không nhớ địa chỉ. Khi T viết hóa đơn, T đã thỏa thuận với Trần Văn T để ghi thêm hàng hóa không mua thực tế (phù hiệu, băng rôn) và trả cho T số tiền 10% trên tổng số tiền ghi thêm, T đồng ý. T bán hóa đơn số 0040914 cho T, tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 6.900.000 đồng, trong đó số tiền phù hiệu, băng rôn là 3.000.000 đồng. Sau khi nhận được hóa đơn, T đã trả trực tiếp cho T số tiền 300.000 đồng bằng 10% số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi thêm.

6. Bán cho Nguyễn Thị L, sinh năm 1985, trú tại thôn A, xã B, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn 01 số hóa đơn bán hàng:

Tháng 06/2019, Nguyễn Thị L là công chức Văn phòng thống kê của UBND xã B được giao nhiệm vụ chuẩn bị giấy khen phục vụ tổ chức Hội nghị biểu dương khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, L đã tự in giấy khen màu tại hộ gia đình chị Lý Thị Minh T, trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn và sử dụng lại khung giấy khen cũ có tại UBND xã B. Khi thực hiện thủ tục thanh quyết toán, Thoa liên hệ với Trần Văn T và thỏa thuận mua hóa đơn của T với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn và được T đồng ý. Sau đó T bán 01 hóa đơn số 0041703, ngày 26/6/2019, người mua hàng Nguyễn Thị L, tên đơn vị UBND xã B, nội dung hàng hóa: Khung + Giấy khen, số tiền ghi trên hóa đơn 360.000 đồng. Sau khi mua được hóa đơn L đưa cho T số tiền 36.000 đồng tiền mặt (bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn).

7. Bán cho Doanh Đức H, sinh năm 1990, trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn 01 số hóa đơn bán hàng:

Tháng 09/2019, Doanh Đức H là Bí thư Đoàn thanh niên xã B, để mua sắm hàng hóa phục vụ Đại hội Đại biểu Liên hiệp Thanh niên Việt Nam xã B, H đã mua bút Thiên Long, cặp cốc bấm và tài liệu với cửa hàng của Trần Văn T, còn phù hiệu H mua ở cửa hàng khác nhưng đã lâu không nhớ địa chỉ cụ thể. Khi viết hóa đơn, H đã thỏa thuận với T sẽ ghi thêm mặt hàng phù hiệu với số tiền 480.000 đồng và trả cho T 10% số tiền hàng hóa ghi thêm, T đồng ý. Tại hóa đơn số 0042520, nội dung hàng hóa: phù hiệu, cặp cốc bấm, bút Thiên Long, tài liệu có tổng số tiền ghi tên hóa đơn là 1.800.000 đồng. Sau khi nhận được hóa đơn, H trả tiền mặt cho T số tiền 48.000 đồng (bằng 10% số tiền ghi thêm trên hóa đơn).

8. Bán cho Phùng Thị C, sinh năm 1988, trú tại thôn P, xã T, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn - Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã T, huyện Ngân Sơn 01 số hóa đơn bán hàng.

Tháng 12/2021, để đảm bảo công tác phòng, chống dịch Covid-19 khi tổ chức Ngày hội đoàn kết toàn dân tộc năm 2021, Chính đã mua các mặt hàng: khẩu trang, nước sát khuẩn tại các cửa hàng tạp hóa ở Khu A, xã T, huyện Ngân Sơn nhưng không có hóa đơn. Khi thực hiện thủ tục thanh quyết toán, C đã liên hệ với Trần Văn T và thỏa thuận mua 01 số hóa đơn của T với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, T đồng ý. Sau đó T bán cho C 01 hóa đơn số 0081386, ngày 22/12/2021, người mua hàng: Phùng Thị C, đơn vị UBND xã T, nội dung hàng hóa: Khẩu trang y tế, nước sát khuẩn, số tiền ghi trên hóa đơn 4.727.000 đồng. Sau khi mua được hóa đơn C chuyển cho kế toán đơn vị làm thủ tục thanh quyết toán và chuyển số tiền 4.727.000 đồng vào tài khoản của T. Sau đó T giữ lại số tiền 472.000 đồng (bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn) và chuyển trả số tiền còn lại cho C.

9. Bán cho Nông Văn C, sinh năm 1981, trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn - Chỉ huy trưởng Quân sự xã B, huyện Ngân Sơn 02 số hóa đơn bán hàng:

- Hóa đơn số 0092635, ghi ngày 11/9/2020, người mua hàng: Nông Văn C,

tên đơn vị: UBND xã B, nội dung hàng hóa: Mũ bảo hiểm phục vụ cho CT sẵn sàng chiến đấu. Số tiền ghi trên hóa đơn 17.500.000 đồng. Thực tế C mua số hàng hóa này của ông Nông Thái G, sinh năm 1985, trú tại thôn N, xã L, huyện Ngân Sơn nhưng không có hóa đơn. Sau khi mua được hóa đơn, Ch chuyển cho bộ phận kế toán của đơn vị để làm thủ tục thanh quyết toán, số tiền 17.500.000 đồng được chuyển vào tài khoản của T, sau đó T giữ lại số tiền 1.750.000 đồng (bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn) và chuyển khoản số tiền còn lại vào tài khoản của C.

- Hóa đơn số 0092636, ghi ngày 11/9/2020, người mua hàng: Nông Văn C, tên đơn vị: UBND xã L, nội dung hàng hóa: Giày ủng, đèn pin, xẻng, xà beng, dao quắm, búa chặt cây, cặp da đi tuyên truyền. Số tiền ghi trên hóa đơn 13.550.000 đồng. Thực tế C mua các hàng hóa trên của Nông Thái G, sinh năm 1985, trú tại thôn N, xã L, huyện Ngân Sơn nhưng không có hóa đơn. Sau khi mua được hóa đơn, Chuyên chuyển cho bộ phận kế toán của đơn vị để làm thủ tục thanh quyết toán, số tiền 13.550.000 đồng được chuyển vào tài khoản của T, sau đó T giữ lại số tiền 1.355.000 đồng (bằng 10% số tiền ghi trên hóa đơn) và chuyển khoản số tiền còn lại vào tài khoản của C. Sau đó C rút tiền ra và thanh toán cho G.

10. Bán cho Đồng Văn A, sinh năm 1989, trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn 01 số hóa đơn bán hàng:

Tháng 4/2021, Đồng Văn A là Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc kiêm Chủ tịch Hội khuyến học xã B, để mua sắm hàng hóa phục vụ Đại hội khuyến học xã B, A đã mua các hàng hóa, dịch vụ: Cặp cúc bấm, vở ô ly A4, bút bi Thiên Long, sổ công tác, photo tài liệu tại cửa hàng của Trần Văn T, còn băng rôn Anh mua với anh Nông Văn D, sinh năm 1982 - Chủ cơ sở in và làm biển quảng cáo QT có địa chỉ tại Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Ngân Sơn nhưng không có hóa đơn. Khi viết hóa đơn, A đã thỏa thuận với T sẽ ghi thêm mặt hàng băng rôn với số tiền 322.000 đồng và trả cho T 10% số tiền hàng hóa ghi thêm, T đồng ý. Tại hóa đơn số 0007498, nội dung hàng hóa: cặp cúc bấm, vở oly A4, bút bi Thiên Long, sổ công tác, photo tài liệu, băng rôn “Chào mừng Đại hội khuyến học xã B, khóa 3, nhiệm kỳ 2021-2025” có tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 2.300.000 đồng. Sau khi nhận được hóa đơn, A trả tiền mặt cho T số tiền 32.000 đồng (bằng 10% số tiền ghi thêm trên hóa đơn).

11. Bán cho Nông Đình K, sinh năm 1987, trú tại thôn K, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn - Nhân viên Bảo hiểm Xã hội (BHXH) huyện Ngân Sơn 02 số hóa đơn:

- Hóa đơn số 0079279, ghi ngày 12/10/2021, người mua hàng: Nông Đình K, tên đơn vị: BHXH huyện Ngân Sơn, nội dung hàng hóa: Nước uống, photo tài liệu, photo đề thi, số tiền ghi trên hóa đơn 350.000 đồng. Trong đó số tiền thực tế mua hàng của T là 80.000 đồng, số tiền ghi thêm là 270.000 đồng (nước uống). Thực tế K mua nước uống tại cửa hàng tạp hóa trên địa bàn huyện, trả bằng tiền mặt nhưng không có hóa đơn. K trả cho T số tiền 27.000 đồng tiền mặt (bằng 10% số tiền ghi thêm trên hóa đơn).

- Hóa đơn số 0077741, không ghi ngày tháng, ghi năm 2021, người mua hàng: Nông Đình K, tên đơn vị: BHXH huyện Ngân Sơn, nội dung hàng hóa: Nước uống,

photo tài liệu, photo đề thi, số tiền ghi trên hóa đơn là 281.000 đồng. Trong đó số tiền thực tế mua hàng của T là 56.000 đồng, số tiền ghi thêm 225.000 đồng (nước uống). Thực tế K mua nước uống tại cửa hàng tạp hóa trên địa bàn huyện, trả bằng tiền mặt nhưng không có hóa đơn. K trả cho T số tiền 22.500 đồng tiền mặt (bằng 10% số tiền ghi thêm trên hóa đơn).

Quá trình điều tra đối với Trần Văn T xác định: Từ năm 2019 đến năm 2021 T bán trái phép 13 (mười ba) số hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung của Hộ kinh doanh Trần Văn T với tổng số tiền (ghi trên hóa đơn liên 2) là 167.538.000 đồng, tiền bán hóa đơn mức trung bình 10% trên mỗi hóa đơn đối với 12 hóa đơn và 05% trên mỗi hóa đơn đối với 01 hóa đơn có nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo tương đương với số tiền 12.907.500 đồng, T đã nộp số tiền thuế phát sinh trên hóa đơn với Chi cục Thuế khu vực Ba Bể - Ngân Sơn - Pác Nặm tương ứng với số tiền 2.315.850 đồng. Tổng số tiền T thu lợi bất chính từ việc bán 13 số hóa đơn nêu trên là 10.591.650 đồng.

Chi cục Thuế khu vực Ba Bể - Ngân Sơn - Pác Nặm xác nhận: Hộ kinh doanh Trần Văn T kê khai nộp thuế theo hình thức thuế khoán, từ tháng 01/2022 đăng ký theo hình thức kê khai thuế, người đến kê khai nộp thuế là Trần Văn T, kê khai nộp thuế đầy đủ, đến thời điểm xác minh ngày 09/10/2023 T không nợ thuế.

Tại Bản Kết luận giám định số 80/KL-KTHS ngày 23/02/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, kết luận:

- Chữ viết trên các hóa đơn bán hàng liên 1 mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8) và các hóa đơn bán hàng liên 2 mẫu cần giám định (ký hiệu A15, A16, A17, A18, A19, A20, A21) so với chữ viết của Trần Văn T trên mẫu so sánh (ký hiệu M) là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trên các hóa đơn bán hàng liên 1 mẫu cần giám định (ký hiệu A9, A10, A11, A12, A13) và các hóa đơn bán hàng liên 2 mẫu cần giám định (ký hiệu A22, A23, A24, A25, A26) so với chữ viết của Trần Văn T trên mẫu so sánh (ký hiệu M) không phải là do cùng một người viết ra.

- Dưới mục “Người bán hàng” trên các hóa đơn bán hàng liên 1 mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9, A10, A11, A12, A13) không có chữ ký nên không tiến hành giám định.

- Chữ ký dưới mục “Người bán hàng” trên các hóa đơn bán hàng liên 2 mẫu cần giám định (ký hiệu A15, A16, A17, A18, A19, A20, A21) so với chữ ký của Trần Văn T trên mẫu so sánh (ký hiệu M) là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới mục “Người bán hàng” trên các hóa đơn bán hàng liên 2 mẫu cần giám định (ký hiệu A22, A23, A24, A25, A26) so với chữ ký của Trần Văn T trên mẫu so sánh (ký hiệu M) không phải là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký, chữ viết trên hóa đơn bán hàng liên 2 số 0093991 mẫu cần giám định (ký hiệu A14) ngày 20/11/2020 không tiến hành giám định do là bản photocopy.

Quá trình điều tra, truy tố Trần Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, T là người trực tiếp thực hiện mọi hoạt động kinh doanh, quản lý con dấu, hóa đơn của Trung tâm sửa chữa máy văn phòng X, hầu hết các hóa đơn đều do T trực tiếp viết, có 05 số hóa đơn (bán cho Nông Văn C, Đồng Văn A và Nông Đình K) do T bận việc nên đã để cho khách tự viết nội dung trên hóa đơn nhưng những nội dung này đều đã được hai bên thống nhất, thỏa thuận. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS-NS, ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”. Đề nghị xử lý bị cáo như sau:

- Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 203; Điều 35; Điều 38; điểm i, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Giao bị cáo cho UBND thị trấn B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp khác: Đề nghị áp dụng Điều 47 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự (BLTTHS) năm 2015

+ Lưu theo hồ sơ vụ án: 13 số hóa đơn bán hàng ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo T đã bán trái phép, sổ phụ tài khoản số 8604205020572 của Trần Văn T ngày phát sinh trước 28/01/2018, sổ dư cuối ngày 30/6/2022 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Ngân Sơn.

+ Buộc bị cáo phải nộp lại cho Nhà nước Số tiền 10.591.650 đồng (mười triệu năm trăm chín mươi một nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

+ Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo số tiền 10.591.650 đồng (mười triệu năm trăm chín mươi một nghìn sáu trăm năm mươi đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn.

- Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự (BLTTHS) năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn đã truy tố. Bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, bị cáo mong muốn được áp dụng hình phạt nhẹ nhất là hình phạt tiền đối với bị cáo và không có bào chữa hay khiếu nại gì đối với những người tiến hành tố tụng.

Lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292 của BLTTHS năm 2015.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt

Tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2021, lợi dụng việc bản thân được cấp phép hoạt động hộ kinh doanh, Trần Văn T đã có hành vi bán trái phép 13 số hóa đơn đã ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo cho nhiều cá nhân, đơn vị. Cụ thể: Bán trái phép 13 số hóa đơn với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 167.538.000 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng). Thu tiền bán hóa đơn với mức trung bình là 10% trên mỗi hóa đơn, có 01 hóa đơn thu mức 05%, tương ứng với tổng số tiền là 12.907.500 đồng (mười hai triệu chín trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng). Sau khi nộp tiền thuế phát sinh trên hóa đơn, Toán thu lợi bất chính số tiền là: 10.591.650 đồng (mười triệu năm trăm chín mươi một nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Điều luật có nội dung:

“ 1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...;

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm ...”.

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức việc mua bán trái phép hóa đơn không kèm theo hàng hóa để thu lợi bất chính là xâm phạm hoạt động quản lý tài chính của Nhà nước nhưng vì vụ lợi đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Với số lượng hóa đơn giá trị gia tăng mà bị cáo đã bán trái phép 13 số hóa đơn đã ghi nội dung, đủ yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép hoá đơn theo khoản 1 Điều 203 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, làm giảm thu ngân sách Nhà nước, gây mất trật tự trị an nên cần quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội, bản thân bị cáo đã nộp lại số tiền 10.591.650 đồng là số tiền do phạm tội mà có, điều này thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bản thân bị cáo nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, bị cáo có ông ngoại là Hà Văn T3 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, trong quá trình sinh sống, làm việc tại địa phương, trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của mình, trong những năm qua, bản thân bị cáo đã tham gia nhiệt tình vào các hoạt động xã hội của địa phương, luôn tích cực ủng hộ về tinh thần, vật chất vào việc tổ chức các lễ hội của các xã, thị trấn, ngày khai giảng của các trường học trên địa bàn huyện khi được mời, việc làm của bị cáo được ghi nhận cụ thể ở các Thư cảm ơn do bị cáo cung cấp cho Tòa án tại phiên tòa

sơ thẩm, do vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 của Điều luật.

[5] Về hình phạt đối với bị cáo

[5.1] Về hình phạt chính:

Bị cáo phạm tội xâm phạm đến lĩnh vực tài chính lần đầu. Hiện nay chính sách pháp luật của Nhà nước đối với các tội phạm về kinh tế có xu hướng tăng cường phạt tiền để nhằm thu lại khoản tiền bị cáo đã gây thất thoát cho Nhà nước, cụ thể tại khoản 1 và khoản 2 Điều 203 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về tội danh “Mua bán trái phép hóa đơn” đều có quy định phạt tiền là hình phạt chính. Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều đóng góp cho các cơ quan, trường học trong thực hiện các phong trào xã hội, có ý thức sửa chữa sai lầm, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có đủ điều kiện về kinh tế để thi hành hình phạt tiền, do vậy không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, có thể áp dụng phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo theo quy định tại Điều 35 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đủ tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Xét đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên đưa ra đối với bị cáo là không cần thiết áp dụng với hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5.2] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính. Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung nào khác đối với bị cáo.

[6] Về xử lý tiền thu lợi bất chính và xử lý vật chứng trong vụ án

- 13 số hóa đơn bán hàng ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo Tuân đã bán trái phép, số phụ tài khoản số 8604205020572 của Trần Văn T ngày phát sinh trước 28/01/2018, số dư cuối ngày 30/6/2022 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Ngân Sơn. Những vật chứng này là chứng cứ cần được lưu theo hồ sơ vụ án.

- Số tiền 10.591.650 đồng (mười triệu năm trăm chín mươi một nghìn sáu trăm năm mươi đồng) là số tiền bị cáo thu lợi bất chính xét cần buộc bị cáo nộp lại để nộp ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 10.591.650 đồng (mười triệu năm trăm chín mươi một nghìn sáu trăm năm mươi đồng) do bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, xét cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[7] Các vấn đề liên quan trong vụ án:

- Đối với UBND xã Q, huyện T, tỉnh C và cá nhân liên quan: Quá trình điều tra xác định năm 2020 UBND xã Q có mua hàng hóa phục vụ cho các hoạt động của đơn vị nhưng không có hóa đơn, nên không có chứng từ để thanh toán tiền ngân sách nhà nước. Để có chứng từ quyết toán các khoản đã mua này, Phùng Quang S đã mua trái phép 01 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Trần Văn T và giao lại cho UBND xã Q.

Kết quả điều tra xác định toàn bộ số tiền đã quyết toán được sử dụng đúng mục đích chi trả tiền mua hàng hóa phục vụ các hoạt động của đơn vị. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định. Đối với hành vi mua 01 hóa đơn trái phép của Phùng Quang S và các cá nhân thuộc UBND xã Q không đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại Điều 203 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức có liên quan là đúng quy định.

- Đối với Bưu điện huyện Ngân Sơn và cá nhân liên quan: Quá trình điều tra xác định, năm 2019 và năm 2020 Bưu điện huyện Ngân Sơn có mua các hàng hóa: bao tải, băng dính, in tờ rơi, băng rôn phục vụ hoạt động của đơn vị nhưng không có hóa đơn nên không có chứng từ để thanh toán tiền ngân sách nhà nước. Để có chứng từ quyết toán các khoản đã mua này Bưu điện huyện Ngân Sơn đã mua trái phép 02 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Trần Văn T, tổng số tiền quyết toán là 58.600.000 đồng. Kết quả điều tra xác định số tiền 40.600.000 đồng (in băng rôn, mua bao tải, băng dính) được Bưu điện sử dụng đúng mục đích chi tiền phục vụ hoạt động của đơn vị cho Nông Văn D và các cửa hàng. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định. Đối với hành vi mua hóa đơn trái phép của Lý Thị L, Nguyễn Văn N và các cá nhân thuộc Bưu điện huyện Ngân Sơn không đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại Điều 203 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức có liên quan là đúng quy định. Đối với số tiền 18.000.000 đồng là mặt hàng “in tờ rơi quảng cáo”, thực tế Bưu điện huyện Ngân Sơn không in ấn tại các cơ sở kinh doanh mà tự in ấn tại trụ sở đơn vị và mua hóa đơn của Trần Văn T về quyết toán, cơ quan điều tra đã tách nội dung này để tiếp tục xác minh, làm rõ, nếu xác định được hành vi vi phạm sẽ xử lý theo quy định.

- Đối với UBND xã B, huyện Ngân Sơn và các cá nhân liên quan: Quá trình điều tra xác định năm 2019, UBND xã B có mua sắm hàng hóa phục vụ các hoạt động, Đại hội, Hội nghị của đơn vị nhưng không có hóa đơn nên không có chứng từ để thanh toán tiền ngân sách nhà nước. Để có chứng từ quyết toán các khoản đã mua này UBND xã đã mua trái phép 04 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Trần Văn T, tổng số tiền quyết toán là 16.530.000 đồng. Kết quả điều tra xác định toàn bộ số tiền 16.170.000 đồng được sử dụng đúng mục đích chi trả tiền mua sắm hàng hóa của đơn vị. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định. Đối với hành vi mua 04 hóa đơn trái phép của Nông Văn C, Lý Thị Minh T, Nguyễn Thị L và Doanh Đức H và các cá nhân thuộc UBND xã B không đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại Điều 203 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức có liên quan là đúng quy định. Đối với số tiền 360.000 đồng trong hóa đơn số 0041703 mua mặt hàng “Khung + giấy khen” của bà Nguyễn Thị L, thực tế L tự in ấn và sử dụng lại khung cũ của đơn vị, cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý khi xác định được hành vi vi phạm.

- Đối với UBND xã T, huyện Ngân Sơn và các cá nhân liên quan: Quá trình điều tra xác định năm 2021, UBND xã T có mua các hàng hóa: khẩu trang, nước sát

khuẩn phục vụ Ngày hội đoàn kết toàn dân tộc nhưng không có hóa đơn nên không có chứng từ để thanh toán tiền ngân sách nhà nước. Để có chứng từ quyết toán các khoản đã mua này, UBND xã đã mua trái phép 01 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Trần Văn T, tổng số tiền quyết toán là 4.727.000 đồng. Kết quả điều tra xác định toàn bộ số tiền 4.727.000 đồng được UBND xã sử dụng đúng mục đích chi trả tiền phục vụ hoạt động của đơn vị. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định. Đối với hành vi mua 01 hóa đơn trái phép của Phùng Thị C và các cá nhân thuộc UBND xã T không đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại Điều 203 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức có liên quan là đúng quy định.

- Đối với UBND xã C, huyện Ngân Sơn và các cá nhân liên quan: Quá trình điều tra xác định năm 2020, 2021 UBND xã có mua sắm các hàng hóa phục vụ cho công tác an ninh, quốc phòng và tổ chức Đại hội Đại biểu Khuyến học xã nhưng không có hóa đơn nên không có chứng từ để thanh toán tiền ngân sách nhà nước. Để có chứng từ quyết toán các khoản đã mua này, UBND xã đã mua trái phép 03 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Trần Văn T, tổng số tiền quyết toán là 33.150.000 đồng. Kết quả điều tra xác định toàn bộ số tiền 33.150.000 đồng được UBND xã sử dụng đúng mục đích chi trả tiền mua hàng hóa của đơn vị. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định. Đối với hành vi mua 03 hóa đơn trái phép của Nông Văn C, Đồng Văn A và các cá nhân thuộc UBND xã Cốc Đán không đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại Điều 203 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức có liên quan là đúng quy định.

- Đối với Bảo hiểm xã hội huyện Ngân Sơn và các cá nhân liên quan: Quá trình điều tra xác định năm 2021 đơn vị có mua nước uống phục vụ các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn của Bảo hiểm xã hội huyện Ngân Sơn tại các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn huyện nhưng không có hóa đơn nên không có chứng từ để thanh toán tiền ngân sách nhà nước. Để có chứng từ quyết toán các khoản đã mua này đơn vị đã mua trái phép 02 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Trần Văn T, tổng số tiền quyết toán là 631.000 đồng. Kết quả điều tra xác định toàn bộ số tiền 631.000 đồng được đơn vị sử dụng đúng mục đích thực tế chi trả tiền mua hàng hóa cho hoạt động của đơn vị. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định. Đối với hành vi mua 02 hóa đơn trái phép của Nông Đình Khiêm và các cá nhân thuộc Bảo hiểm xã hội huyện Ngân Sơn không đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại Điều 203 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Cơ quan điều tra đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức có liên quan là đúng quy định.

- Các cá nhân, cơ quan, tổ chức: Phùng Quang S và các cá nhân thuộc các đơn vị UBND xã Q, Bưu điện huyện Ngân Sơn, UBND xã B, UBND xã T, UBND xã C, Bảo hiểm xã hội huyện Ngân Sơn không thực hiện đăng ký kê khai thuế, không làm phát sinh nghĩa vụ thuế. Các cá nhân, cơ quan, tổ chức này thực hiện hành vi vi phạm khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ và hành vi vi phạm đó thuộc công vụ, nhiệm

vụ thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn mà bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

[8] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 203, điểm i, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Các Điều 106, Điều 331, Điều 333 Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

1.1. Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Trần Văn T số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

1.2. Về hình phạt bổ sung:

Không áp dụng đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Lưu theo hồ sơ vụ án 13 số hóa đơn bán hàng ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo T đã bán trái phép, sổ phụ tài khoản số 8604205020572 của Trần Văn T ngày phát sinh trước 28/01/2018, số dư cuối ngày 30/6/2022 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Ngân Sơn.

3. Về biện pháp tư pháp khác

3.1. Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 10.591.650 đồng (mười triệu năm trăm chín mươi một nghìn sáu trăm năm mươi đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

3.2. Tạm giữ số tiền 10.591.650 đồng (mười triệu năm trăm chín mươi một nghìn sáu trăm năm mươi đồng) bị cáo Trần Văn T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001709, ngày 02/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Công

